TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Sinh;

Bà Bùi Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thị T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp C, xã R, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1/ Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1986;

2/ Lý Thanh T, sinh năm 1981.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lý Thanh T: Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã R, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Phan Thị L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp B, xã R, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

(Tại phiên tòa bà T và bà L có mặt, chị D vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn Phan Thị T:

Ngày 24-6-2018 âm lịch, chị Phạm Thị Thùy D có vay của bà T số tiền 80.000.000 đồng, trong biên nhận thì chị D viết là mượn tiền nhưng thật chất là có thỏa thuận trả lãi nhưng bà T không rành, chị D tự tính ra tiền lãi của số tiền vay 80.000.000 đồng từ ngày 24-6-2018 âm lịch đến ngày 20-8-2019 âm lịch là 12.000.000 đồng nhưng đến nay chị D cũng không có trả cho bà T được số tiền lãi nào hết, số tiền này chị D hỏi vay để múc hầm nuôi cá. Đến ngày 20-8-2019 âm lịch, chị D tiếp tục vay của bà T số tiền 80.000.000 đồng (tiền này chị D nói mượn không trả lãi), việc vay tiền có lập biên nhận có chị D và anh T cùng ký tên (nhưng vài ngày sau bà T mở biên nhận ra mới biết chữ ký trong biên nhận không phải của anh T), số tiền này chị D vay để mua thức ăn cho cá và hẹn vài ngày sau bán cá sẽ trả lại cho bà T toàn bộ số tiền gốc của 02 lần vay là 160.000.000 đồng nhưng chị D không thực hiện đúng lời hứa nên bà T có gặp anh T, chị D trình bày với anh T thì anh T nói chị D làm vậy là sai, mất uy tín của anh T, lúc đó anh T cũng có hứa là cùng chị D bán tài sản trả nợ cho bà T nhưng đến nay chị D và anh T cũng không trả cho bà T được số tiền nào. Nay bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Phạm Thị Thùy D và anh Lý Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ vay gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Lời trình bày của bị đơn Phạm Thị Thùy D đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lý Thanh T:

Chị D thừa nhận có vay tiền của bà T 02 lần vào các ngày 24-6-2018 âm lịch vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 15%/tháng (mỗi tháng phải đóng lãi 12.000.000 đồng, chị D trả tiền lãi cho số tiền vay này đến 7-2019 âm lịch), ngày 20-8-2019 âm lịch vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 15%/tháng (số tiền vay này chị D chưa trả lãi lần nào). Tuy nhiên chị D vay để về đóng tiền hụi, hụi thì chỉ mình chị D chơi riêng chứ anh T không biết, ngoài ra chị D còn trả tiền lãi vay ở những chỗ khác vì chị D vay tiền, chơi hụi cũng nhiều chỗ chứ không phải vay tiền để múc hầm nuôi cá và mua thức ăn cho cá như bà T trình bày. Sau này bể chuyện ra thì anh T mới biết là chị D mạo chữ ký của anh T để vay tiền của bà T, lúc đó chị D có nói thiệt với anh T là chị D có vay của bà T số tiền 160.000.000 đồng, trong đó có 80.000.000 đồng chị D có ký tên của anh T để vay. Bà T đến nhà đòi nợ thì anh T cũng có hứa là anh T sẽ cùng chị D trả cho bà T nhưng sau đó bà T đi tố cáo bên Huyện ủy, Công an, Viện kiểm sát huyện Tân Hồng, cơ quan của anh T và của chị D làm việc nói chị D và anh T lừa đảo nên anh T nói nợ chị D gây ra thì chị D trả chứ giờ anh T không trả tiếp chị D nữa. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà T thì chị D đồng ý chỉ một mình chị D có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay cho bà T là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), không có lãi. Anh T không đồng ý trả số tiền nợ nêu trên cho bà T vì việc vay tiền chỉ do mình chị D đứng ra vay và sử dụng

riêng, anh T không có vay tiền và cũng không có sử dụng số tiền vay. Đối với số tiền lãi đã trả cho bà T như nêu trên chị D không tranh chấp.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà Phan Thị T yêu cầu chị Phạm Thị Thùy D và anh Lý Thanh T phải liên đới trả số tiền vay còn thiếu gốc là 160.000.000 đồng, không tính lãi. Xét thấy, chị D có thừa nhận có viết 02 biên nhận để vay tiền của bà T với tổng số tiền 160.000.000 đồng là có thật.

Xét yêu cầu của bà T yêu cầu anh T và chị D có nghĩa vụ liên đới trả số nợ nêu trên, còn anh T không đồng ý liên đới cùng chị D trả nợ theo yêu cầu của bà T vì cho rằng đây là nợ riêng của chị D và chị D cũng không đồng ý cùng anh T trả nợ cho bà T mà chị D chỉ đồng ý một mình trả nợ cho bà T. Xét thấy, chị D là người trực tiếp vay tiền của bà T nhưng sau khi vay tiền của bà T thì chị D bể nợ, khi đó chị D có nói với anh T biết việc chị D nợ tiền bà T thì anh T có đến gặp bà T hứa sẽ trả nợ cho bà T, anh T cũng không có ý kiến cho rằng anh T không sử dụng số tiền mà chị D vay của bà T. Từ đó, có cơ sở khẳng định anh T có biết việc chị D vay tiền và cùng sử dụng số tiền vay với bà T. Mặc khác thời điểm chị D vay tiền là vào tháng 6-2018 và tháng 8-2019 âm lịch, phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và chị D không chứng minh được đã sử dụng số tiền vay vào mục đích cá nhân. Như vậy, việc bà T yêu cầu vợ chồng anh T, chị D cùng liên đới trả số tiền vay còn thiếu là 160.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có cơ sở và phù hợp pháp luật.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 103, Điều 288, Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vào ngày 30-6-2020, nguyên đơn gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng đối với bị đơn, xét thấy nguyên đơn có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các điều 186, 188, 189, 190 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc khởi kiện của nguyên đơn là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết vào ngày 01-7-2020 là phù hợp theo quy định tại các điều 5, 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Phạm Thị Thùy D đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lý Thanh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị T khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị Thùy D và anh Lý Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ vay là 160.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và xuất trình được biên nhận vay ngày 24-6-2018 âm lịch số tiền 80.000.000 đồng và biên nhận vay ngày 20-8-2019 âm lịch số tiền 80.000.000 đồng. Chị D thừa nhận có vay bà của bà T 02 lần, tổng số tiền vay là 160.000.000 đồng như bà T trình bày, qua yêu cầu của bà T thì chị D đồng ý chỉ một mình chị D có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay cho bà T là 160.000.000 đồng, không có lãi, anh T không đồng ý trả số tiền nợ nêu trên cho bà T vì việc vay tiền chỉ do mình chị D đứng ra vay và sử dụng riêng, anh T không có vay tiền và cũng không có sử dụng số tiền vay, chị D cũng không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cùng chị D trả nợ cho bà T.

Xét thấy: Chị D là người trực tiếp vay tiền của bà T và ký biên nhận nợ với bà T (trong đó có 01 biên nhận chị D mạo cả chữ ký của anh T để vay tiền), anh T không trực tiếp vay tiền của bà T, nhưng chị D trình bày sau khi vay tiền của bà T thì chị D bể nợ, khi đó chị D có nói với anh T biết việc chị D có thiếu số tiền nợ trên của bà T thì anh T có hẹn gặp bà T hứa sẽ trả nợ cho bà T. Đồng thời, khi chị D vay tiền của bà T thì chị D và anh T là vợ chồng vẫn còn đang chung sống trong thời kỳ hôn nhân và chị D không chứng minh được số tiền vay nêu trên chị D sử dụng vào mục đích cá nhân của chị D. Từ những phân tích trên chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc chị D và anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ vay gốc là 160.000.000 đồng, không có lãi.

Đối với số tiền lãi chị D trình bày đã trả cho bà T, bà T không thừa nhận, chị D không có chứng cứ gì chứng minh và chị D cũng không tranh chấp về số tiền lãi đã trả nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*", trong vụ án này các bị đơn Phạm Thị Thùy D, Lý Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 160.000.000 đồng nên phải có nghĩa vụ liên đới chịu 5% x 160.000.000 đồng = 8.000.000 đồng án phí; Nguyên đơn Phan Thị T không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2018/0008652 ngày 01-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 103, 288, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; các điều 27, 30 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phan Thị T.

Buộc chị Phạm Thị Thùy D và anh Lý Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị T số tiền nợ vay gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), không có lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Thùy D và anh Lý Thanh T có nghĩa vụ liên đới chịu 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) án phí.

Bà Phan Thị T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Phan Thị T 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: BH/2018/0008652 ngày 01-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29-9-2020). Riêng các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Tựu